

Số: 75/2019/QĐST-HNGĐ

YK, ngày 26 tháng 07 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ Lsố 105/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 07 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: AĐ sinh năm 1991; địa chỉ phố TL, thị trấn YN, huyện YK, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Chị L sinh năm 1995; địa chỉ phố TL, thị trấn YN, huyện YK, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 07 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18/07/2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Đ và chị L

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con: AĐ và chị L cùng trình bày vợ chồng có 01 con chung là cháu A sinh ngày 28/06/2014. Anh Đ và chị L thỏa thuận giao cháu A cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu A trưởng thành; anh Đ không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con, anh Đ cam đoan sẽ đảm bảo đầy đủ cho cuộc sống, sinh hoạt và học tập cho cháu A.

Chị L có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu A được sống chung với anh Đ và chị L có quyền được thăm nom, chăm sóc cháu A; anh Đ không được cản trở chị L trong việc thăm nom, chăm sóc cháu A.

Về tài sản: Anh Đ và chị L cùng trình bày vợ chồng không có tài sản chung; vợ chồng không vay mượn tài sản gì.

Về án phí: Anh Đ và chị L thỏa thuận anh Đ nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật là 150.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Đ đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0002074 ngày 04/07/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện YK, anh Đ được hoàn lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện YK
- UBND thị trấn YN
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bùi Văn Lực